

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	Số: 319
ĐIỂN	Số: 2835
	Ngày: 19/18/2019
Chuyển: 8	
Lưu hồ sơ số:	

/BC-SVHTTDL

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2019

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao

a. Các nhiệm vụ được giao

- **Tại Kế hoạch số 128/KH-UBND, ngày 26/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện cải cách hành chính năm 2019:**

+ **Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật:**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng, Phó Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng; đang xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về định mức hoạt động và mức chi đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động tỉnh và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm 2019 (Kế hoạch số 225/KH-SVHTTDL ngày 21/02/2019); Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2019 (Kế hoạch số 268/KH-SVHTTDL ngày 27/02/2019); Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2019 (Kế hoạch số 268/KH-SVHTTDL ngày 27/02/2019).

+ **Cải cách tổ chức bộ máy**

Thường xuyên rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở. Theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, với cơ cấu tổ chức gồm 08 phòng chuyên môn và 08 đơn vị trực thuộc, với cơ cấu, số lượng lãnh đạo gồm: Ban Giám đốc Sở 04 người; trưởng phòng và tương đương: 14 người, phó trưởng phòng và tương đương: 19 người.

Quyết định phân bổ biên chế cho các phòng và các đơn vị sự nghiệp công lập 2019 theo quy định.

+ **Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Thực hiện Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân về việc thực hiện Nghị Quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ và Kế

hoạch số 79-KH/TU ngày 30/8/2018 của Tỉnh ủy về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch số 57/KH-SVHTTDL ngày 11/01/2019 Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh Quyết định bổ nhiệm 01 trường hợp, nâng lương trước thời hạn 01 trường hợp; Giám đốc Sở Quyết định bổ nhiệm lại 01 trường hợp, quyết định nghỉ hưu 02 trường hợp, nâng bậc lương trước thời hạn 05 trường hợp, nâng bậc lương thường xuyên 14 trường hợp, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 09 trường hợp, nâng mức phụ cấp thâm niên nhà giáo 03 trường hợp.

Ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2019.

Quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp đối với 02 viên chức. Cử 01 công chức dự thi nâng ngạch từ Thanh tra viên lên Thanh tra viên chính; đăng ký nhu cầu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2019. Đề nghị Thanh tra tỉnh trình UBND tỉnh miễn nhiệm Thanh Tra viên chính 01 trường hợp.

Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2019. Đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh cử 02 CCVC dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn hóa học. Đề nghị Sở Nội vụ hỗ trợ kinh phí đào tạo thạc sĩ 01 trường hợp. Cử 08 CCVC dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Báo cáo kết quả thực hiện đánh giá phân loại công chức, viên chức và người lao động năm 2018 cho Sở Nội vụ. Tổng số được đánh giá phân loại là 272/277 người (01 trường hợp do UBND tỉnh đánh giá, 01 trường hợp có thời gian nghỉ điều trị bệnh 06 tháng, 03 trường hợp do mới hợp đồng). Kết quả đánh giá: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 154 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 116 người, hoàn thành nhiệm vụ: 02 người.

*** Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức không có trường hợp bị xử lý kỷ luật nào.**

Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thủ trưởng các phòng các đơn vị trực thuộc quán triệt CCVC thuộc phòng, đơn vị mình chấp hành thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quý, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch kiểm tra thực hiện cải cách hành chính và công vụ năm 2019 (Kế hoạch số 127/KH-SVHTTDL ngày 28/01/2019); tiếp tục triển khai đến các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định số 61/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 31/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Tại Kế hoạch số 21/KH-UBND, ngày 31/01/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2019:

Sở đã xây dựng Kế hoạch số 258/KH-SVHTTDL ngày 27/02/2018 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 và triển khai đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện.

- Tại Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 03/01/2019 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019:

Căn cứ vào Kế hoạch của UBND tỉnh Sở đã ban hành Kế hoạch số 126/KH-SVHTTDL ngày 28/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của Sở năm 2019 và triển khai đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện.

b. Đánh giá kết quả

Các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo kế hoạch của UBND tỉnh đã được triển khai thực hiện và hoàn thành đúng tiến độ. Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành kịp thời; công tác sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao, đồng thời cơ cấu lại tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức, viên chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng tiến độ quy định. Kết quả đến nay tình hình triển khai, thực hiện các kế hoạch đạt 30%.

2. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

a. Những nội dung đã ban hành: Trong quý I, Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC như sau:

- Kế hoạch số 107/KH-SVHTTDL ngày 23/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019;

- Kế hoạch số 126/KH-SVHTTDL ngày 28/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019;

- Kế hoạch số 127/KH-SVHTTDL, ngày 28/01/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính và công vụ năm 2019;

- Kế hoạch số 258/KH-SVHTTDL ngày 27/02/2018 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019;

- Kế hoạch số 162/KH-SVHTTDL ngày 13/02/2019 về việc đánh giá nội bộ năm 2019 công tác triển khai hệ thống chất lượng ISO 9001:2015 tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Kế hoạch số 172/KH-SVHTTDL ngày 14/02/2019 về việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Quyết định số 53/QĐ-SVHTTDL ngày 15/02/2019 về việc thay đổi thư ký ISO 9001:2015 tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Công văn số 183/SVHTTDL-VP ngày 15/02/2019 về việc tăng cường sử dụng Hộp thư điện tử công vụ.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm hành chính công.

b. Đánh giá

Sở đã triển khai và ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa Sở và các đơn vị sự nghiệp, phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố. Từng bước thực hiện, khai thác sử dụng hiệu quả hộp thư điện tử và hệ thống văn bản điện tử trong công việc, tiết kiệm thời gian và chi phí văn phòng phẩm.

Việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến góp phần nâng cao ý thức của công chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo sự thuận lợi, dễ tiếp cận để các tổ chức, cá nhân, giảm bớt thời gian và chi phí khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính.

Được sự chỉ đạo của lãnh đạo sở, cấp ủy đảng, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể CBCCC, đảng viên, công tác cải cách hành chính của đơn vị, nhất là trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện đạt được kết quả như sau:

- Các văn bản quy phạm pháp luật được đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính đã mang lại những hiệu quả tích cực, giảm thiểu thời gian, hồ sơ thủ tục tạo được sự hài lòng cho các tổ chức, công dân khi đến liên hệ công tác; thái độ, trách nhiệm của CBCCC làm công tác tiếp dân có nhiều tiến bộ; các tổ chức, công dân được hướng dẫn tận tình, cụ thể đến nay đơn vị chưa nhận được ý kiến, phản ánh nào của các tổ chức, công dân.

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy, bồi dưỡng đào tạo được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục, thể hiện tính dân chủ và công khai tạo được sự đồng tình ủng hộ của toàn thể cán bộ công chức.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai áp dụng hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2015 đang được triển khai tốt, từng bước phát huy hiệu quả giảm thiểu được thời gian, giấy tờ trong xử lý công việc.

II. Kết quả đạt được

1. Về cải cách thể chế

Tiếp tục đăng ký xây dựng văn bản QPPL trình UBND tỉnh trong thời gian tới đối với Quy định về định mức hoạt động và mức chi đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động tỉnh và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Tiếp tục triển khai thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trên lĩnh vực đơn vị quản lý, đảm bảo chất lượng và đạt mục tiêu đơn giản hóa các quy định về thủ tục hành chính theo quy định nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai

minh bạch các thủ tục hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc tiếp cận, giải quyết các thủ tục hành chính.

Hiện nay tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VH TTDL tổng cộng 101 thủ tục trên 04 lĩnh vực như sau:

- + Lĩnh vực Văn hóa: 36 thủ tục;
- + Lĩnh vực Thể thao: 28 thủ tục;
- + Lĩnh vực Du lịch: 25 thủ tục;
- + Lĩnh vực gia đình: 12 thủ tục.

Đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, cũng như các mẫu đơn, tờ khai, mức thu lệ phí để các tổ chức, cá nhân đến Sở liên hệ công việc, tìm hiểu những quy định cụ thể trong lĩnh vực đăng ký, quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn toàn tỉnh được dễ dàng thuận lợi.

3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL - BNV, ngày 14/9/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH TTDL thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng VHTT thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố và Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND, ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH TTDL tỉnh Sóc Trăng. Tiếp tục sắp xếp kiện toàn bộ máy tổ chức hành chính của Sở tinh gọn theo chức năng, nhiệm vụ, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với trình độ chuyên môn phát huy được hiệu quả công việc.

Lãnh đạo thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công chức thực hiện giải quyết các hồ sơ theo đúng thủ tục và thời gian quy định, đảm bảo bình đẳng đối với mọi đối tượng.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Tiếp tục phát huy tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức thuộc Sở VH TTDL, không ngừng nâng cao về trình độ, về chuyên môn, nghiệp vụ cho tập thể CBCCVC của Sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Nhìn chung CBCCVC chức của ngành trẻ, đa số có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí, nhu cầu công việc. Công tác quy hoạch đào tạo trong thời gian qua đã bám sát vào nhu cầu thực tiễn, đồng thời tập trung công tác củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy từ đó chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành không ngừng được nâng lên.

5. Cải cách tài chính công

- Đơn vị tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và thực hiện Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển thể dục, thể thao có một số đơn vị tham gia tài trợ trao giải thể thao nhưng không đáng kể.

6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

6.1 Tình hình ứng dụng CNTT

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn, trong giải quyết thủ tục hành chính. Hiện đang phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông nâng cấp cổng thông tin điện tử Sở VH TT & DL thực hiện đăng tải, cung cấp thông tin đúng quy định theo Nghị định 43. Lãnh đạo Sở VH TT & DL luôn quan tâm chỉ đạo cập nhật thông tin kịp thời và chính xác.

Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 3/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; thực hiện Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND, ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định trao đổi, lưu trữ xử lý văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, CBCC từng bước trao đổi công việc qua thư điện tử và ứng dụng chữ ký số nhằm giảm thiểu giấy tờ, xử lý thông tin kịp thời, thời gian giải quyết được rút ngắn.

Nhìn chung, công tác tin học hóa quản lý hành chính của đơn vị đáp ứng được mục tiêu cải cách hành chính, thể hiện tính chủ động, linh hoạt trong giải quyết công việc.

6.2 Áp dụng ISO trong hoạt động

Tiếp tục vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại đơn vị, qua áp dụng đã nâng cao trách nhiệm của các phòng, cá nhân trong xử lý công việc, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, văn minh đáp ứng được nhu cầu trong tương lai.

Với Chính sách chất lượng “Công khai, minh bạch, đúng pháp luật” và Mục tiêu chất lượng của Sở với các Quy trình đáp ứng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015; đồng thời phối hợp với Trung tâm hành chính công trung cầu ý kiến khách hàng bằng các phiếu thăm dò nhận xét, đánh giá về chất lượng cung cấp các dịch vụ hành chính, cũng như thái độ phục vụ của CBCC trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cá nhân, tổ chức khi đến liên hệ công việc.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Trong quý I, Bộ phận tiếp nhận và xử lý hồ sơ đã tiếp nhận 91 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, không có hồ sơ trễ hẹn.

Áp dụng đúng các biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng chính phủ và các quy trình theo hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC

a. Báo cáo thông tin

Số TT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Trần Minh Lý	Giám đốc Sở	minhlystv@gmail.com 0919262969
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Trần Thị Mỹ Tuyên	Phó Chánh Văn phòng Sở	ttmtuyen@soctrang.gov.vn 0984643646
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trần Thị Mỹ Tuyên	Phó Chánh Văn phòng Sở	ttmtuyen@soctrang.gov.vn 0984643646
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Lâm Dạ Hương	Chuyên viên	ldhuong@soctrang.gov.vn 0982860624

b. Đính kèm các biểu mẫu: 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14.

III. Những khó khăn, vướng mắc

Đối với việc thực hiện quy định về công bố dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4, Sở còn gặp khó khăn, do các tổ chức và cá nhân chưa đăng ký trực tuyến qua môi trường mạng.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

V. Phương hướng công tác CCHC quý II năm 2019

1. Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo kế hoạch của Sở. Qua đó kịp thời xử lý khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý và tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn.

3. Xây dựng các Kế hoạch về công tác pháp chế năm 2019: Kế hoạch rà soát, kiểm tra văn bản; Kế hoạch tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật; Kế hoạch Tổ chức hội nghị triển khai các văn bản quy phạm pháp luật;

4. Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về định mức hoạt động và mức chi đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động tỉnh và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

5. Tham mưu thực hiện công tác bổ nhiệm cán bộ, bố trí, sắp xếp công chức, viên chức thuộc Trung tâm Văn hóa – Thể thao tỉnh theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh. Tham mưu thực hiện công tác sáp nhập tổ chức theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy Sóc Trăng.

6. Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2019; Thực hiện tinh giản biên chế đợt 2/2019; Xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại công chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Xây dựng Kế hoạch thi đua cải cách hành chính năm 2019.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, niêm yết công khai thủ tục hành chính, hướng dẫn tổ chức, cá nhân tham gia thủ tục hành chính. Tiếp tục cập nhật và đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của ngành đối với các văn bản QPPL được ban hành để các tổ chức và cá nhân có điều kiện thuận lợi trong việc nghiên cứu và thực hiện theo đúng quy định.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt Quy định về chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được giám sát tình hình tài chính của cơ quan, kinh phí quản lý hành chính tại Văn phòng Sở và quy định chi tiêu nội bộ tại các đơn vị trực thuộc theo quy định.

10. Tăng cường thực hiện sử dụng văn bản điện tử và ứng dụng chữ ký số trong hoạt động của cơ quan Nhà nước theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Vận hành tốt hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Tổ chức đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo nhằm hoàn thiện bộ máy hoạt động. *MT*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu VT.

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Son Thanh Liem



Biểu mẫu 1B
Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
tại Sở VH-TT-DL (đang triển khai)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc			
1	Kiểm tra công tác CCHC	08	08			
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	08				
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính					
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật....)					

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.



Biểu mẫu 2B

Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
3	Rà soát VBQPPL		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo		
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		



Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Số kế hoạch rà soát TTHC	Có	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	101	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ²	101	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng sở, ban ngành, đơn vị tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)		Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định			Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định	Số TTHC liên thông ngang ³		Số TTHC liên thông dọc ⁴
1	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh	101			101				Nêu quyết định công bố	
1	Lĩnh vực văn hóa	36			36				1302/QĐ-UBND ngày 30/5/2016, 2474/QĐ-UBND ngày 13/10/2016, 2453/QĐ-UBND ngày 26/9/2017, 2547/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	
2	Lĩnh vực gia đình	12			12				219/QĐ-UBND ngày 23/01/2018	
3	Lĩnh vực thể thao	28			28				169/QĐ-UBND ngày 7/8/2009, 3081/QĐ-UBND ngày 4/12/2017, 2660/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	

³ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁴ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ³	Số TTHC liên thông dọc ⁴	
4	Lĩnh vực du lịch	25				25			1204/QĐ-UBND ngày 22/5/2018	
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	07	07	07	0	07				
1	Lĩnh vực văn hóa	01	01	01	0	01			1911/QĐ-UBND ngày 6/8/2018	
2	Lĩnh vực gia đình	06	06	06	0	06			1911/QĐ-UBND ngày 6/8/2018	
III	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp xã	03				01				
1	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	01				01			1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	
2	Lĩnh vực Thư viện	01				01			1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	
3	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	01				01			1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện



Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC

STT		Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁵	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁶		
(1)	(2)	(3)-(4)+(5)	(4)	(5)	(6)-(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)	
I	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh</i>											
	<i>Sở VH-TTDL</i>	92	0	92	91	91	0	01	01	0	16/11/2018-31/12/2018	
		91	0	91	83	83	0	08	08	0	01/01/2019-25/02/2019	

⁵ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



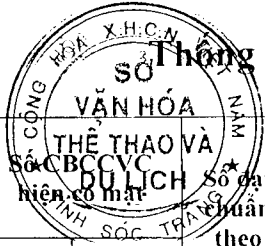
Biểu mẫu 6B

Số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Đơn vị	Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng lãnh đạo sở				Số lượng lãnh đạo phòng				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tăng giảm biên chế		Ghi chú
				Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁽¹⁾		Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁽³⁾		Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giảm	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁽²⁾			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁽⁴⁾					
1	Sở VHTTDL	08 Phòng 08 đơn vị sự nghịệp		4	Tăng 01 do mới bổ nhiệm	Bổ nhiệm : 01		33	Giảm 01 do được bổ nhiệm chức vụ PGĐ Sở	Bổ nhiệm lại: 01		45				

Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CBCCVC	Nâng lương theo thâm quyền				
		Biên chế	HD chuyên môn	theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Có KH đào tạo	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng		Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên	TX	TH
I	<i>Các cơ quan tỉnh</i>																
1	Sở VHITDL	181	31 (tại đơn vị sự nghiệp)		Dang đề nghị cử dự tuyển đào tạo Thạc sĩ: 02	08	Kế hoạch số 90/KH-SVHTT DL ngày 18/01/2019	01					0	0		31	05




Biểu mẫu 8B

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
công vụ tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	Sở VH TTDL
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	07	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	01	Trung tâm Văn hóa Triển lãm Hồ Nước Ngọt
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	01	Trung tâm Văn hóa Triển lãm Hồ Nước Ngọt
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	01	Trung tâm Văn hóa Triển lãm Hồ Nước Ngọt

Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại Sở VH-TTDL



STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	01	0	01/01
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	08	0	08/08
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	01/08
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	01	0	01/08
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	01	0	01/08
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	06	0	06/08

Biểu mẫu 10B



Đông Kinh Số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Sở VHTTDL

STT	Cơ quan, đơn vị	Đối đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú		
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận				
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử			Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số		Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					16	01	01	0	21	83	52	31	16/11/2018-31/12/2018
							02	02	0		80	64	16	01/01/2019-25/02/2019

Biểu mẫu 11B



Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bảo chính công ích (BCCI) tại Sở VH-TT-DL
(Từ ngày 01/01 – 19/11/2018)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>				
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88	28	15	16/11/2018-31/12/2018
			12	6	01/01/2019-25/02/2019



Biểu mẫu 12
Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử
(Từ ngày 16/11/2018 – 25/02/2019)

STT	Nội dung thống kê ⁷	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
1	Cấp tỉnh				
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	92	92	0	16/11/2018- 31/12/2018
		91	91	0	01/01/2019- 25/02/2019

⁷ Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống



Biểu mẫu 13B

Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại Sở VH-TTDL

	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Công bố tại quyết định 525QD-SVHTTDL, 08/11/2018
2	Thực hiện đánh giá nội bộ		
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ⁸
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ⁹			
I	Cấp tỉnh						
	Sở VH-TDL	/	/	/	/	/	

⁸ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

⁹ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp